

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /2013/NQ-HĐND

An Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 7
(Từ ngày 09 đến ngày 10/12/2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn

tỉnh An Giang; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; bao gồm trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

II. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã);
- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

III. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước:

1. Mọi tài sản nhà nước đều được Nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quản lý, sử dụng.
2. Quản lý nhà nước về tài sản nhà nước được thực hiện thống nhất, có phân công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước.
3. Tài sản nhà nước phải được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, bảo đảm công bằng, hiệu quả, tiết kiệm.
4. Tài sản nhà nước phải được hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị tài sản trong quan hệ mua, bán, thuê, cho thuê, liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản hoặc trong các giao dịch khác

được thực hiện theo cơ chế thị trường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Tài sản nhà nước được bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ theo chế độ quy định.

6. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

IV. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước:

1. Quyết định đầu tư xây dựng trụ sở làm việc:

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định mua sắm tài sản nhà nước:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với những tài sản có giá trị 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

Riêng xe ô tô các loại: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản (trừ phương tiện vận tải) đối với những tài sản có giá trị từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

d) Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 một lần mua sắm tài sản (một gói thầu) thuộc phạm vi quản lý.

3. Quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản nhà nước:

Thủ trưởng cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ quản lý chuyên ngành quy định.

Đối với tài sản nhà nước chưa có chế độ tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa của Bộ quản lý chuyên ngành giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định chế độ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản thuộc phạm vi quản lý.

4. Quyết định thuê trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước:

a) Thuê trụ sở làm việc:

- Cơ quan nhà nước được thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong các trường hợp được quy định khoản 1 Điều 7 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động cho các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc phục vụ hoạt động cho các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

b) Thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước:

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước quyết định thuê tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) để phục vụ hoạt động trong các trường hợp được quy định khoản 1 Điều 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

5. Quyết định bán tài sản nhà nước:

a) Các trường hợp bán tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ

quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh đối với những tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị bán.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán tài sản thuộc phạm vi quản lý.

6. Quyết định thanh lý tài sản nhà nước:

a) Các trường hợp thanh lý tài sản nhà nước được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

+ Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh;

+ Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản trên cơ sở đề nghị của thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị thanh lý.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản nhà nước theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

+ Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã;

+ Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã.

- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có giá trị dưới 100 (một trăm) triệu đồng /01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý.

7. Quyết định thu hồi tài sản nhà nước:

a) Các trường hợp thu hồi tài sản nhà nước được thực hiện theo quy định Điều 12 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với các loại tài sản:

+ Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh;

+ Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh;

+ Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý phải thu hồi nhưng huyện không thu hồi.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị thu hồi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần thu hồi tài sản thuộc phạm vi quản lý.

8. Quyết định điều chuyển tài sản nhà nước:

a) Các trường hợp điều chuyển tài sản nhà nước được thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

b) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý;
- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh với cấp huyện;
- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện khác đơn vị hành chính.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) trong phạm vi nội bộ giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị điều chuyển.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (trừ phương tiện vận tải) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trong các trường hợp sau:

- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý;
- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện với cấp xã;
- + Giữa các cơ quan nhà nước thuộc cấp xã khác đơn vị hành chính.

- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải) thuộc phạm vi quản lý.

9. Quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy nhà nước trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan đối với những tài sản sau:

+ Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh;

+ Phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến

dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý sau khi thống nhất với Sở Tài chính về danh mục tài sản đề nghị tiêu hủy.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 (một trăm) triệu đồng đến dưới 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản (trừ phương tiện vận tải) của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện và cấp xã trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan.

- Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy đối với tài sản nhà nước (không phải là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 (một trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần tiêu hủy tài sản thuộc phạm vi quản lý.

V. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính:

a) Việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; mua sắm tài sản nhà nước thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước theo khoản 1, khoản 2 Mục IV Điều này.

b) Việc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Mục IV Điều này.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định việc mua sắm tài sản (không phải là trụ sở làm việc, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ của đơn vị phù hợp với tiêu chuẩn định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Quyết định bán, thanh lý tài sản nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính:

a) Việc bán, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 lần bán, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước theo khoản 5, khoản 6 Mục IV Điều này.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định việc bán, thanh lý tài sản nhà nước không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

c) Phương thức, trình tự, thủ tục, tổ chức bán, thanh lý tài sản thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Quyết định sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 (năm trăm) triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định đối với các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

c) Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu: không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; sử dụng tài sản đúng mục đích đầu tư xây dựng, mua sắm; phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước; thực hiện theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính:

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính được thực hiện theo quy định quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước theo Mục IV Điều này.

VI. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Chương V của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Chương II Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013, có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ III - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT, TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT, HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Website tỉnh AG, Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG;
- Lưu: VT, P.CTHĐND-LD.



Phan Văn Sáu